



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVH ngàythángnăm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Hiến)

Ngành: **LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**
 Chuyên ngành: **LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**
 Mã số ngành: **7510605**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã Học Phần	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			49	49	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	2	2					
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					
4	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
5	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			6	6	0	0	0	0	
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
2	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			12	12	0	0	0	0	
1	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
2	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
3	MAN201	Quản trị học	3	3					
4	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chất cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	59	0	13	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			18	17	0	1	0	0	
II.1a. Phần bắt buộc			12	11	0	1	0	0	
1	ECO303	Kinh tế vi mô	3	3					
2	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	3					
3	SUC301	Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng	2	2					
4	LOG301	Quản trị chiến lược trong Logistics và chuỗi cung ứng	3	3					
5	SUC302	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			

STT	Mã Học Phần	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
II.1b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ		3					
2	FIN424	Thanh toán quốc tế		3					
3	FIN432	Bảo hiểm		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	HUR408	Quản trị Nhân sự		3					
2	PUR410	Quan hệ công chúng		3					
3	MAN405	Kỹ năng lãnh đạo		3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			49	42	0	7	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			34	27	0	7	0	0	
1	LOG401	Quản trị Logistics	3	3					
2	LOG402	Quản trị kho hàng	3	3					
3	LOG403	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3	3					
4	LOG404	Quản trị giao nhận	3	3					
5	LOG405	Quản trị phân phối	3	3					
6	LOG406	Quản trị bán hàng trực tuyến	3	3					
7	LOG407	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1			1			
8	LOG408	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3			3			
9	LOG409	Thực tập nghề Logistics và QLCCU	3			3			
10	FIN411	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3					
11	SUC411	Quản trị thu mua	3	3					
12	SUC408	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3					
II.2b. Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh		3					
2	LOG410	Hành vi tiêu dùng		3					
3	MAR410	Marketing dịch vụ - logistics		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
4	LOG411	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ		3					
5	LOG412	Quản trị chất lượng toàn diện		3					
6	LOG413	Quản trị xếp dỡ		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
7	LOG414	Điều độ trong chuỗi cung ứng		3					
8	MAR405	E - Marketing		3					
9	LOG415	Kỹ năng giao tiếp		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
10	SUC407	Nghiệp vụ hải quan		3					
11	BUS423	Nghiệp vụ bán hàng		3					
12	MAN418	Quản trị vận hành		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
13	LOG416	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU		3					
14	SUC405	Địa lý vận tải		3					

STT	Mã Học Phần	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
15	BUS430	Truyền thông trong kinh doanh		3					
		Các HP tự chọn thay thế KLTN:	12	12					
16	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3					
17	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3					
		(Chọn 2 trong 3 học phần)	6						
18	LOG417	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng		3					
19	LOG418	Tinh gọn chuỗi cung ứng		3					
20	LOG419	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU		3					
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	LOG501	Thực tập tốt nghiệp Logistics và QLCCU	5			5			
2	LOG502	Khóa luận tốt nghiệp Logistics và QLCCU	12					12	
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

KHOA KINH TẾ

HIỆU TRƯỞNG